

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2019/HNGĐ - ST

Ngày 29/11/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Oanh

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Ông Lê Minh Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 734/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 29/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/2019/QĐHPT ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Quang L, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ liên lạc: Số nhà 44, đường Đ, Phường 4, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

Bị đơn: Chị Đồng Thị B, sinh năm 1996; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Đã mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Quang L trình bày có nội dung như sau:

Anh Ngô Quang L và chị Đồng Thị B tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B vào ngày 12/11/2009. Quá trình, sống chung hạnh phúc một thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mỗi lần vợ chồng cãi vã là chị B tự ý bỏ nhà đi rồi lại quay về, tình trạng tiếp diễn nên mâu thuẫn càng trầm trọng, từ tháng 7 năm 2016 đến nay thì chị B đã đi khỏi địa phương, không có tin tức gì và đã được Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 27/2019/QĐST-VDS ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nên anh L xin được ly hôn với chị Đồng Thị B.

Về con chung: Anh L, chị B có 02 con chung là Ngô Quang T, sinh ngày 29/01/2010 và Ngô Quang H, sinh ngày 06/8/2014, hiện nay con chung đang sống với anh L. Nguyên vọng của anh L là được nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đồng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 27/2019/QĐST-VDS ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết và tuyên bố chị Đồng Thị B mất tích. Do đó, không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn chị Đồng Thị B có cư trú cuối cùng tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đồng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là lần thứ hai, mặt khác tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 27/2019/QĐST-VDS ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết và tuyên bố chị Đồng Thị B mất tích căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quang L và chị Đồng Thị B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B vào ngày 12 tháng 11 năm 2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, mỗi lần vợ chồng cãi nhau là chị B tự ý bỏ nhà đi rồi lại quay về, tình trạng tiếp diễn nên mâu thuẫn càng trầm trọng, từ tháng 7 năm 2016 đến nay thì

chị B đã đi khỏi địa phương, không có tin tức gì. Anh L đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên bố chị B mất tích, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 27/2019/QĐST-VDS ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã giải quyết và tuyên bố chị Đồng Thị B mất tích. Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết anh Ngô Quang L và chị Đồng Thị B có mâu thuẫn trong cuộc sống, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị B thường xuyên bỏ nhà đi, tháng 7 năm 2016 tới nay thì đã bỏ đi khỏi địa phương nữa, không có tin tức gì. Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Quang L và chị Đồng Thị B đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được; tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 27/2019/QĐST-VDS ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã giải quyết và tuyên bố chị Đồng Thị B mất tích nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh L, chị B có là cháu Ngô Quang T, sinh ngày 29/01/2010 và Ngô Quang H, sinh ngày 06/8/2014, hiện nay con chung đang sống với anh L, anh L làm công nhân, có thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con, mặt khác con chung cũng có nguyện vọng muốn được ở với anh L nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của cháu cần giao 02 con chung cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị B có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Ngô Quang L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0002431 ngày 16/9/2019.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Quang L xin ly hôn chị Đồng Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quang L được ly hôn chị Đồng Thị B.

Về con chung: Giao con chung là Ngô Quang T, sinh ngày 29/01/2010 và cháu Ngô Quang H, sinh ngày 06/8/2014 cho anh Ngô Quang L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Chị Đồng Thị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Quang L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0002431 ngày 16/9/2019.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã H, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh

